

ĐANH SÁCH CÔNG BỐ ĐIỂM VÒNG KIỂM TRA SÁT HẠCH (VÒNG 2)
KỶ SẾT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH
ĐỢT 2 NĂM 2019 BẠC MÀM NON

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
1	Phạm Thị Minh Thảo	x	Kinh	30/08/1991	Mầm non 2	GV Mầm non	GVMN hạng IV		86.0
2	Trần Kim Phượng	x	Kinh	27/04/1992	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		69.7
3	Phùng Thị Ngọc Yến	x	Kinh	29/07/1979	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		72.7
4	Lê Thị Thu Mai	x	Kinh	24/12/1996	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		84.7
5	Nguyễn Thị Hồng Thùy	x	Kinh	11/05/1986	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		82.3
6	Nguyễn Thị Thúy Diễm	x	Kinh	19/06/1987	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		81.3
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	x	Kinh	20/10/1995	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		69.3
8	Vương Thị Ngọc Lý	x	Kinh	29/01/1988	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		83.7
9	Nguyễn Thị Mai Linh	x	Kinh	24/10/1980	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		81.0
10	Hoàng Thị Chung	x	Kinh	23/05/1983	Mầm non Tân Sơn Nhất	GV Mầm non	GVMN hạng IV		80.3
11	Nguyễn Thị Hằng	x	Kinh	10/10/1975	Mầm non 10	GV Mầm non	GVMN hạng IV		30.3
12	Lê Thị Cẩm Tiên	x	Kinh	20/09/1994	Mầm non Hoa Mi	GV Mầm non	GVMN hạng IV		97.0
13	Đoàn Thị Thu Trang	x	Kinh	21/05/1987	Mầm non 14	GV Mầm non	GVMN hạng IV		83.7
14	Nguyễn Thị Hiếu	x	Kinh	19/05/1996	Mầm non 14	GV Mầm non	GVMN hạng IV		48.7
15	Nguyễn Thị Hoài Minh	x	Kinh	05/05/1996	Mầm non 15	GV Mầm non	GVMN hạng IV		78.0



DANH SÁCH CÔNG BỐ ĐIỂM VÒNG KIỂM TRA SÁT HẠCH (VÒNG 2)
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH
ĐỢT 2 NĂM 2019 BẠC TIỂU HỌC

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
1	Hồ Nguyên Thiên Thanh	x	Kinh	20/04/1972	Tiểu học Lê Văn Sĩ	Giáo viên Tiếng Anh			72.7
2	Trần Thị Kiều Oanh	x	Kinh	07/06/1994	Tiểu học Lê Văn Sĩ	Giáo viên Tiếng Anh			93.3
3	Nguyễn Xuân Hoa	x	Kinh	01/01/1987	Tiểu học Lê Văn Sĩ	Giáo viên Thể dục			49.3
4	Trần Như Nghĩa		Kinh	19/09/1971	Tiểu học Lê Văn Sĩ	Giáo viên Thể dục			49.0
5	Trịnh Thị Nhung	x	Kinh	20/08/1993	Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Giáo viên Tiếng Anh	Con chính sách	5	78.0
6	Nguyễn Ngọc Phước	x	Kinh	29/09/1985	Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Giáo viên Tiếng Anh			63.7
7	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	x	Kinh	25/01/1997	Tiểu học Bình Giả	Giáo viên Tổng phụ trách			67.7
8	Hoàng Lê Tuyết Nhung	x	Kinh	15/05/1997	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	GV Nhiều môn			87.3
9	Vũ Thị Mai	x	Kinh	24/12/1990	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	GV Nhiều môn			74.3
10	Lê Thị Mỹ Nhi	x	Kinh	30/09/1994	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Giáo viên Mỹ Thuật			84.7
11	Quách Tú Quyên	x	Kinh	18/05/1985	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Giáo viên Tiếng Anh			80.7
12	Đỗ Thị Hồng Mai	x	Kinh	16/05/1990	Tiểu học Phạm Văn Hai	GV Nhiều môn			75.0
13	Ngô Thị Thanh Thảo	x	Kinh	24/04/1986	Tiểu học Phạm Văn Hai	GV Nhiều môn			58.3
14	Nguyễn Thị Mận	x	Kinh	16/09/1991	Tiểu học Chi Lăng	Giáo viên Tin học			74.0
15	Nguyễn Thị Cẩm Hiền	x	Kinh	20/4/1984	Tiểu học Đổng Đa	Giáo viên Mỹ Thuật			92.0
16	Nguyễn Thùy Ngọc Hương	x	Kinh	10/06/1983	Tiểu học Trần Văn Ôn	GV Nhiều môn			81.3
17	Lý Hồng Diễm	x	Kinh	24/08/1979	Tiểu học Trần Văn Ôn	GV Nhiều môn			87.0
18	Nguyễn Thị Tuyết	x	Kinh	03/07/1986	Tiểu học Trần Văn Ôn	GV Nhiều môn			95.3
19	Nguyễn Thùy Phương Uyên	x	Kinh	20/01/1992	Tiểu học Trần Văn Ôn	GV Nhiều môn			83.7
20	Phạm Thị Láng	x	Kinh	22/07/1992	Tiểu học Trần Văn Ôn	GV Nhiều môn			85.7
21	Nguyễn Trọng Thuận		Kinh	26/11/1994	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Thể dục			76.3
22	Nguyễn Công Hậu		Kinh	05/03/1993	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Thể dục			76.0
23	Phạm Công Nghĩa		Kinh	10/12/1996	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Thể dục			86.7
24	Trần Thị Cẩm Hiền	x	Kinh	10/06/1995	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Thể dục			83.3
25	Phùng Văn Tấn		Kinh	29/09/1992	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Thể dục			62.7
26	Lê Thị Quỳnh Nhi	x	Kinh	17/08/1997	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Tiếng Anh			75.7

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
27	Đặng Thị Thủy	x	Kinh	26/03/1991	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Tiếng Anh			84.7
28	Nguyễn Thị Thanh Xuân	x	Kinh	19/01/1997	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Tiếng Anh			80.0
29	Nguyễn Thị Kiều Nhớ	x	Kinh	14/02/1995	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Mỹ Thuật			88.0
30	Phạm Sơn Quy	x	Kinh	18/01/1985	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên Mỹ Thuật			79.3
31	Diệp Tấn Lộc		Kinh	14/09/1997	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	GV Nhiều môn			91.0
32	Mai Thị Hồng Yến	x	Kinh	14/06/1986	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	GV Nhiều môn			76.7
33	Nguyễn Thị Nguyệt	x	Kinh	03/08/1977	Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	GV Nhiều môn			72.3
34	Võ Thanh Vy	x	Kinh	10/05/1994	Tiểu học Lạc Long Quân	Giáo viên Tiếng Anh			89.0
35	Phan Thị Vân Thảo	x	Kinh	15/03/1993	Tiểu học Lạc Long Quân	Giáo viên Tổng phụ trách			87.7
36	Thới Thị Cẩm Huyền	x	Kinh	23/07/1997	Tiểu học Lạc Long Quân	GV Nhiều môn			84.0
37	Lê Thị Thu Nga	x	Kinh	24/08/1997	Tiểu học Lạc Long Quân	GV Nhiều môn			48.5
38	Trần Thị Kiều Loan	x	Kinh	13/01/1988	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			81.7
39	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	Kinh	17/08/1997	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			75.7
40	Lê Thúy Quỳnh	x	Kinh	30/09/1994	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			73.3
41	Vũ Thị Chi	x	Kinh	26/11/1987	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			67.3
42	Đào Thị Ngọc Ánh	x	Kinh	24/08/1993	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			72.3
43	Nguyễn Phạm Minh Trâm	x	Kinh	11/06/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			86.3
44	Võ Thị Lệ Hiền	x	Kinh	23/07/1973	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			74.0
45	Hà Nguyễn Quỳnh Như	x	Kinh	07/11/1995	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			75.7
46	Trần Kim Ngọc	x	Kinh	25/07/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	GV Nhiều môn			76.7
47	Đặng Hoàng Phương Vy	x	Kinh	15/08/1994	Tiểu học Nguyễn Khuyến	GV Nhiều môn			85.5
48	Tô Thảo Chi	x	Kinh	15/09/1989	Tiểu học Nguyễn Khuyến	GV Nhiều môn			76.5
49	Lê Thị Thúy Quỳnh	x	Kinh	14/01/1988	Tiểu học Nguyễn Khuyến	GV Nhiều môn			85.0
50	Hồ Thị Rô Ly	x	Kinh	28/07/1996	Tiểu học Nguyễn Khuyến	GV Nhiều môn			77.5
51	Phùng Thị Trúc Thảo	x	Kinh	29/08/1997	Tiểu học Nguyễn Khuyến	GV Nhiều môn			80.5
52	Trần Trọng Lễ		Kinh	16/12/1994	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Giáo viên Tiếng Anh			90.7
53	Phan Thị Ngọc Giàu	x	Kinh	30/12/1983	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn	Con thương binh	5	82.3
54	Nguyễn Cao Kỳ		Kinh	02/01/1983	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			90.3
55	Đặng Thị Kim Trâm	x	Chăm	04/05/1997	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn	DTTS	5	62.3
56	Trần Thị Kim Yến	x	Kinh	25/01/1995	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			88.3

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị đự tuyển	Vị trí đự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
57	Trần Thị Thu Hương	x	Kinh	07/02/1988	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			70.7
58	Trần Hoài Ân		Kinh	19/11/1995	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			57.7
59	Phan Thị Hà	x	Kinh	24/10/1996	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			54.7
60	Nguyễn Thị Thủy	x	Kinh	28/2/1975	Tiểu học Trần Quốc Tuấn	GV Nhiều môn			52.7
61	Nguyễn Thị Huyền	x	Kinh	04/04/1991	Tiểu học Sơn Cang	Giáo viên Tiếng Anh			83.0
62	Trần Thị Thu Hằng	x	Kinh	11/08/1985	Tiểu học Sơn Cang	Giáo viên Tổng phụ trách			92.0
63	Phạm Thị Quỳnh Như	x	Kinh	16/04/1995	Tiểu học Yên Thế	GV Nhiều môn			63.3
64	Trần Thị Nhi	x	Kinh	22/11/1973	Tiểu học Yên Thế	GV Nhiều môn			64.7
65	Nguyễn Minh Khoa		Kinh	15/03/1997	Tiểu học Yên Thế	GV Nhiều môn			54.0
66	Trần Thị Bích Liên	x	Kinh	20/04/1983	Tiểu học Trần Quốc Toàn	Giáo viên Tiếng Pháp			45.3
67	Nguyễn Thị Thu Hoàng	x	Kinh	28/06/1985	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			71.3
68	Nguyễn Thị Thanh Thảo	x	Kinh	10/01/1984	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			-
69	Trần Thụy Thanh Thy	x	Kinh	25/03/1989	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			61.7
70	Nguyễn Thị Ngọc	x	Kinh	16/02/1990	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			62.7
71	Phan Thị Huyền	x	Kinh	09/05/1986	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			70.7
72	Phan Thế Nguyễn		Kinh	30/04/1989	Tiểu học Trần Quốc Toàn	GV Nhiều môn			53.7
73	Nguyễn Bùi Mỹ Hà	x	Kinh	05/08/1986	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			43.0
74	Nguyễn Thụy Ngọc Dung	x	Kinh	28/10/1988	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			75.0
75	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	Kinh	06/06/1991	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			72.0
76	Trần Thị Yến Nga	x	Kinh	03/01/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			69.0
77	Phạm Thị Thu Trang	x	Kinh	27/06/1992	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			84.0
78	Đặng Nguyễn Phương Quỳnh	x	Kinh	02/05/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			67.0
79	Trịnh Huỳnh Thu Thảo	x	Kinh	08/07/1993	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			55.0
80	Cao Thị Huyền	x	Kinh	23/03/1993	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			53.3
81	Phạm Trương Thị Mỹ Hà	x	Kinh	20/07/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			74.0
82	Phạm Hồng Yến Nhi	x	Kinh	19/08/1987	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			69.0
83	Thân Trương Mộng Thủy	x	Kinh	27/11/1987	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			81.0
84	Bùi Thị Thúy Nga	x	Kinh	11/08/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			58.0
85	Nguyễn Thùy Dương	x	Kinh	09/05/1997	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			86.0
86	Từ Thị Thanh Diệu	x	Kinh	24/02/1996	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			54.3

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
87	Trần Thị Nguyễn Khuyến	x	Kinh	27/10/1983	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn	Con thương binh	5	44.0
88	Trần Thị Kim Linh	x	Kinh	04/02/1994	Tiểu học Nguyễn Văn Kịp	GV Nhiều môn			77.0



DANH SÁCH CÔNG BỐ ĐIỂM VÒNG KIỂM TRA SÁT HẠCH (VÒNG 2)
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH
ĐỢT 2 NĂM 2019 BẠC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
1	Hoàng Ngọc Ánh	x	Kinh	27/11/1990	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Sinh học			34.3
2	Nguyễn Thị Thảo Vy	x	Kinh	13/11/1996	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Sinh học			71.3
3	Hồ Thị Xuân	x	Kinh	05/11/1996	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Sinh học			73.7
4	Bình Thị Trang	x	Kinh	30/08/1987	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			69.0
5	Hoàng Thị Duyên	x	Kinh	11/02/1971	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			51.7
6	Trần Thị Tường Vi	x	Kinh	14/02/1990	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			51.0
7	Trần Thị Nga	x	Kinh	27/05/1996	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			55.0
8	Đặng Thị Huệ	x	Kinh	21/07/1989	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			52.3
9	Trần Hồng Nhung	x	Kinh	27/03/1993	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			49.0
10	Lê Thị Ban	x	Kinh	08/03/1986	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			65.3
11	Phạm Thị Minh	x	Kinh	15/08/1984	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			81.7
12	Trần Nhi Diễm Huỳnh	x	Hoa	29/9/1996	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn	DTTS	5	79.0
13	Nguyễn Thị Anh Thư	x	Kinh	22/04/1996	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			49.0
14	Lê Thị Ái Mỹ	x	Kinh	24/05/1995	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			53.0
15	Đỗ Minh Trí		Kinh	03/07/1997	THCS Ngô Sỹ Liên	GV Ngữ Văn			49.7
16	Đỗ Thị Thanh Cẩm	x	Kinh	06/07/1996	THCS Âu Lạc	GV Sinh học			80.7
17	Trần Nguyễn Tố Uyên	X	Kinh	20/01/1994	THCS Âu Lạc	GV Tin học			81.7
18	Tăng Trường Minh Khánh	x	Hoa	14/09/1995	THCS Nguyễn Gia Thiều	GV Công Nghệ 6	DTTS	5	73.0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	Kinh	29/03/1996	THCS Tân Bình	GV GDCC			79.7
20	Lại Hoàng Thanh Thảo	x	Kinh	01/01/1997	THCS Tân Bình	GV GDCC			63.7
21	Lâm Thanh Ngọc	x	Kinh	09/03/1994	THCS Trần Văn Quang	GV Tiếng Anh			78.0
22	Khổng Thanh Liêm		Kinh	22/11/1994	THCS Trần Văn Quang	GV Tiếng Anh			0.0
23	Phạm Thị Ánh Tuyết	x	Kinh	06/08/1997	THCS Trần Văn Quang	GV Tiếng Anh			85.2
24	Vũ Thị Vân Anh	x	Kinh	25/03/1983	THCS Trần Văn Quang	GV Tiếng Anh			60.0
25	Nguyễn Thị Hồng Đào	x	Kinh	30/01/1998	THCS Võ Văn Tần	GV Công Nghệ 7			68.3
26	Võ Đặng Hoa Hồng	x	Kinh	02/10/1993	THCS Võ Văn Tần	GV Tiếng Anh			-

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
27	Đỗ Thị Thu Diệu	x	Kinh	14/06/1992	THCS Võ Văn Tần	GV Tiếng Anh			80.0
28	Nguyễn Thị Ngọc Linh	x	Kinh	07/01/1997	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			75.3
29	Tạ Thủy Tiên	x	Kinh	30/04/1997	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			61.3
30	Nguyễn Mai Lý	x	Kinh	27/09/1997	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn	Con thương		-
31	Nguyễn Thị Mỹ Lượng	x	Kinh	06/08/1995	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			58.0
32	Huỳnh Thị Kiều Oanh	x	Kinh	07/10/1995	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			73.0
33	Trần Thị Hường	x	Kinh	08/07/1995	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			64.0
34	Phan Thị Dung	x	Kinh	03/06/1995	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			76.7
35	Hoàng Thị Quyên	x	Kinh	09/06/1990	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			68.7
36	Lê Thị Phương Linh	x	Kinh	15/05/1996	THCS Võ Văn Tần	GV Ngữ Văn			78.3
37	Trần Thị Ngân	x	Kinh	23/05/1996	THCS Trường Chinh	GV Sinh học			42.3
38	Nguyễn Thị Thương	x	Kinh	28/11/1990	THCS Trường Chinh	GV Sinh học			47.7
39	Trần Thị Thúy Hằng	x	Kinh	04/10/1993	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Lịch Sử			-
40	Nguyễn Văn Nghị		Kinh	10/05/1987	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Lịch Sử			67.0
41	Phan Thị Nhật Hoàng	x	Kinh	16/06/1995	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Địa lý			46.3
42	Nguyễn Thị Hằng	x	Kinh	06/01/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Địa lý			42.0
43	Hồ Thị Quế Lâm	x	Kinh	21/02/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Địa lý			53.7
44	Ngô Thị Ngọc Tuyền	x	Kinh	14/07/1985	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Mỹ Thuật			61.0
45	Sầm Thị Thảo	x	Nùng	09/10/1986	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Mỹ Thuật	DTTS	5	44.3
46	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	x	Kinh	12/02/1985	THCS Hoàng Hoa Thám	GV GDCD			40.3
47	Trần Ngọc Phương Quỳnh	x	Kinh	17/04/1985	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Âm Nhạc			61.7
48	Lý Châu Len	x	Kinh	1980	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Ngữ Văn			68.3
49	Lê Thị Hương	x	Kinh	20/12/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			35.3
50	Nguyễn Văn Nguyên		Kinh	05/01/1991	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			36.7
51	Đỗ Nguyễn Khánh Ngân	x	Kinh	24/08/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			44.7
52	Phạm Thị Anh	x	Kinh	04/09/1992	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			35.0
53	Nguyễn Thị Diễm	x	Kinh	11/09/1992	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			35.0
54	Nguyễn Thanh Bình		Kinh	05/07/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			45.0
55	Phạm Thị Xuân	x	Kinh	04/01/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán	Con thương	5	39.3
56	Đoàn Thị Phương Nhung	x	Kinh	25/10/1995	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			41.0

Stt	Họ và tên	Nữ (X)	Dân tộc	Ngày sinh	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Tổng cộng
57	Mai Thị Thúy Kiều	x	Kinh	19/04/1994	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			40.7
58	Võ Thị Thủy	x	Kinh	01/09/1992	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			41.0
59	Phạm Tấn Phát		Kinh	21/01/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			39.3
60	Bùi Thái Công		Kinh	22/03/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			34.0
61	Nguyễn Thị Bích Loan	x	Kinh	29/08/1993	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			34.3
62	Lê Thị Thu Hà	x	Kinh	04/12/1997	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			34.0
63	Nguyễn Ngọc Huyền	x	Kinh	18/08/1992	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			45.0
64	Lê Phong		Kinh	23/10/1981	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			44.7
65	Ngô Thị Hồng Nga	x	Kinh	15/06/1992	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			34.7
66	Đỗ Trần Ngọc Châu	x	Kinh	09/01/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			33.3
67	Châu Thổ Bức		Kinh	09/08/1983	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			72.7
68	Danh Thanh Na		Khmer	16/09/1989	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán	DTTS	5	40.3
69	La Thị Phú	x	Kinh	26/02/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			45.7
70	Lê Viết Ân		Kinh	06/08/1988	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			42.3
71	Đặng Huỳnh Như	x	Kinh	10/10/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			42.0
72	Tô Thị Vân Anh	x	Kinh	28/07/1996	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			41.7
73	Phan Thị Thanh Nga	x	Kinh	20/01/1991	THCS Hoàng Hoa Thám	GV Toán			74.0



